

Số: /QĐ-BKHCHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCHN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC.

Địa chỉ trụ sở: 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38293183 - Fax: 028.39103070.

E-mail: fcc@fcc.com.vn.

Địa chỉ phòng thử nghiệm:

a) Phòng thử nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38293183 - Fax: 028.39103070.

b) Phòng thử nghiệm tại Hà Nội (*Phòng thử nghiệm thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC tại Hà Nội*):

Địa chỉ: 6 Nguyễn Công Trứ, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.39710867 - Fax: 024.39714277.

Thực hiện việc **thử nghiệm** các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa thép làm cốt bê tông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 7:2019/BKHCN và sản phẩm thép không gỉ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2019/BKHCN và Sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN (*Danh sách sản phẩm, hàng hóa và phép thử, tiêu chuẩn thử nghiệm tương ứng theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 14/03/2027.

Điều 3. Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia, Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp, Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- CT Nguyễn Nam Hải;
- Lưu: VT, TĐC (05).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Nguyễn Nam Hải

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ, TIÊU
CHUẨN THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ - BKHCN ngày / /2025
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I	Phòng thử nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh		
1	Thép không gỉ	Xác định thành phần hóa học: Cacbon (C); Silic (Si); Mangan (Mn); Phốt pho (P); Lưu huỳnh (S); Crôm (Cr); Niken (Ni); Molipden (Mo); Nitơ (N); Đồng (Cu); Nhôm (Al); Coban (Co); Vanadi (V); Titan (Ti); Vonfram (W); Niobi (Nb)	ASTM E1086-22 JIS G1253:2013
2	Thép làm cốt bê tông (Thanh tròn trơn, thanh vằn)	Xác định thành phần hóa học: Cacbon (C); Silic (Si); Mangan (Mn); Phốt pho (P); Lưu huỳnh (S); Crôm (Cr); Niken (Ni); Molipden (Mo); Nitơ (N); Đồng (Cu); Nhôm (Al); Coban (Co); Vanadi (V); Titan (Ti); Vonfram (W); Bo (B); Niobi (Nb)	JIS G1253:2013 ASTM E415-21 TCVN 8998:2018
3		Thử kéo: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền kéo - Độ bền kéo đứt - Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (A) - Độ giãn dài tổng ứng với lực lớn nhất (Agt)	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1:2013
4		Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 6287:1997 TCVN 7937-1:2013

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
5	Thép làm cốt bê tông (Thanh tròn trơn, thanh vằn)	Xác định khối lượng theo chiều dài, đặc trưng kích thước hình học: - Bước gân ngang c (mm) - Góc nghiêng α và β gân ngang (mm) - Chiều cao của gân dọc (mm) - Chiều cao của gân ngang (mm) - Chu vi không chứa gân (áp dụng với gân hình lưỡi liềm)	TCVN 1651-1,2:2018 TCVN 7937-1:2013 (ISO 15630-1:2010) TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2:2010)
II Phòng thử nghiệm tại Thành phố Hà Nội			
1	Thép không gỉ	Xác định thành phần hóa học: Cacbon (C); Silic (Si); Mangan (Mn); Phốt pho (P); Lưu huỳnh (S); Crôm (Cr); Niken (Ni); Molipden (Mo); Nitơ (N); Đồng (Cu); Vanadi (V); Titan (Ti)	ASTM E1086-22 JIS G1253:2013
2	Thép làm cốt bê tông (Thanh tròn trơn, thanh vằn)	Xác định thành phần hóa học: Cacbon (C); Silic (Si); Mangan (Mn); Phốt pho (P); Lưu huỳnh (S); Crôm (Cr); Niken (Ni); Molipden (Mo); Nitơ (N); Đồng (Cu); Nhôm (Al); Coban (Co); Vanadi (V); Titan (Ti); Bo (B)	JIS G1253:2013 ASTM E415-21 TCVN 8998:2018
3		Thử kéo: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền kéo - Độ bền kéo đứt - Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (A) - Độ giãn dài tổng ứng với lực lớn nhất (Agt)	TCVN 197-1:2014 ISO 6892-1:2019 TCVN 7937-1:2013
4		Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 6287:1997 TCVN 7937-1:2013

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
5	Thép làm cốt bê tông (Thanh tròn trơn, thanh vằn)	Xác định khối lượng theo chiều dài, đặc trưng kích thước hình học: - Bước gân ngang c (mm) - Góc nghiêng α và β gân ngang (mm) - Chiều cao của gân dọc (mm) - Chiều cao của gân ngang (mm) - Chu vi không chứa gân (áp dụng với gân hình lưỡi liềm)	TCVN 1651-1,2:2018 TCVN 7937-1:2013 (ISO 15630-1:2010) TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2:2010)
